

Luật quốc tế và học thuyết can thiệp nhân đạo : \ Luận văn ThS. Luật: 60 38 60 \ Trần Thị Vân Trà ; Nghd. : PGS.TS. Đinh Ngọc Vượng

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các hộp</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CAN THIỆP NHÂN ĐẠO TRONG HOẠT ĐỘNG GIỮ GÌN HÒA BÌNH QUỐC TẾ	7
1.1. Giữ gìn hòa bình quốc tế: khái niệm, lịch sử hình thành, các hình thức và nguyên tắc cơ bản	7
1.1.1. Khái niệm giữ gìn hòa bình quốc tế	7
1.1.2. Lịch sử hình thành của hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế	8
1.1.3. Các hình thức cơ bản của hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế	11
1.1.3.1. An ninh tập thể	11
1.1.3.2. Ngoại giao phòng ngừa	13
1.1.3.3. Cường chế hoà bình	13
1.1.3.4. Kiến tạo hoà bình	13
1.1.3.5. Xây dựng hoà bình sau xung đột	14
1.1.3.6. Giải trừ quân bị	14
1.1.3.7. Các biện pháp củng cố lòng tin	15
1.1.3.8. Các biện pháp bảo đảm an ninh quốc tế	15
1.1.4. Nguyên tắc hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế	16
1.1.4.1. Nguyên tắc an ninh không chia cắt	16
1.1.4.2. Nguyên tắc an ninh bình đẳng	16
1.2. Lịch sử hình thành, phát triển và thực tiễn hoạt động của học thuyết can thiệp nhân đạo	17
1.2.1. Từ sự hình thành khái niệm can thiệp nhân đạo tới việc trở	17

	thành một hệ thống trong pháp luật quốc tế	
1.2.2.	Những hoạt động can thiệp nhân đạo trong thời gian chiến tranh lạnh (1945-1991)	19
1.2.3.	Thực tiễn của hoạt động can thiệp nhân đạo trong giai đoạn hiện nay	22
1.3.	Khía cạnh chủ chốt của học thuyết can thiệp nhân đạo trong hoạt động can thiệp của NATO ở Kosovo	26
1.3.1.	Diễn biến khủng hoảng tại Kosovo	26
1.3.2.	Khía cạnh chủ chốt của học thuyết can thiệp nhân đạo trong hoạt động can thiệp của NATO ở Kosovo	29
	Chương 2: LUẬT QUỐC TẾ VÀ LÝ THUYẾT VỀ CAN THIỆP NHÂN ĐẠO	34
2.1.	Khía cạnh hợp pháp của can thiệp nhân đạo: tỷ lệ hợp lý giữa luật quốc tế hiện đại và vấn đề bảo vệ quyền con người	34
2.1.1.	Can thiệp nhân đạo theo quan điểm của Luật quốc tế hiện đại	34
2.1.2.	Bảo vệ quyền con người là một lĩnh vực quan trọng của Luật quốc tế	38
2.1.3.	Khái niệm về "chủ quyền hạn chế"	42
2.2.	Lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo	46
2.2.1.	Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo	47
2.2.2.	Lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo	49
	Chương 3: CAN THIỆP NHÂN ĐẠO - MỘT HÌNH THỨC MỚI VÀ ĐẶC BIỆT ĐỂ GIỮ GÌN HÒA BÌNH QUỐC TẾ	58
3.1.	Xây dựng khái niệm can thiệp nhân đạo thích hợp với luật quốc tế hiện đại nhằm giữ gìn hòa bình quốc tế	58
3.2.	Phát triển luật quốc tế trong việc điều chỉnh thống nhất can thiệp nhân đạo	61
3.2.1.	Thống nhất quan điểm về mối quan hệ giữa chủ quyền và nhân quyền	61
3.2.2.	Xây dựng các điều kiện tiên quyết cho can thiệp nhân đạo	67
3.2.2.1.	Có sự vi phạm quyền con người bởi các hành vi thảm sát hoặc diệt chủng	67
3.2.2.2.	Quốc gia nơi diễn ra hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người không muốn hoặc không thể chấm dứt tình trạng này	69
3.2.2.3.	Sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người đe dọa hoặc phá hoại hòa bình và an ninh quốc tế	70
3.2.3.	Triển khai cơ chế cho can thiệp nhân đạo	71
3.2.4.	Thực hiện can thiệp nhân đạo một cách hiệu quả dưới thẩm	73

	quyền của Liên hợp quốc	
3.2.4.1.	Cải tổ cơ cấu và hoạt động của Hội đồng bảo an	73
3.2.4.2.	Xác lập thẩm quyền cho Đại hội đồng trong các hoạt động can thiệp nhân đạo khi Hội đồng bảo an không thực hiện vai trò của mình	77
3.2.4.3.	Lực lượng quân đội của Liên hợp quốc	79
	KẾT LUẬN	81
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tác giả chọn đề tài nêu trên để nghiên cứu vì những lý do sau đây:

- Học thuyết can thiệp nhân đạo vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế hiện đại.
- Học thuyết can thiệp nhân đạo đề cao vấn đề nhân quyền là một lĩnh vực quan trọng của Luật quốc tế.
- Học thuyết này đang được một số quốc gia sử dụng một cách tùy tiện vì lợi ích của mình..
- Học thuyết can thiệp nhân đạo đang nhận được những quan điểm trái chiều nhau. Bên ủng hộ thì cho rằng học thuyết này đề cao vấn đề nhân quyền - vấn đề ngày càng trở nên quan trọng trong thế giới hiện đại và văn minh, và quan trọng hơn cả chủ quyền quốc gia. Bên phản đối thì đưa ra chính kiến rằng việc vận dụng học thuyết vi phạm chủ quyền của các quốc gia, can thiệp thô bạo vào công việc của quốc gia khác. Với hai quan điểm này, chúng ta nên đánh giá những tác động tích cực và tiêu cực của học thuyết tới luật quốc tế hiện đại sẽ cho chúng ta cái nhìn đúng đắn hơn về học thuyết. Và Luật quốc tế sẽ cần những thay đổi để phát huy tính tích cực, giảm thiểu tính tiêu cực của học thuyết.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

- Tình hình nghiên cứu trong nước

Học thuyết can thiệp nhân đạo được nghiên cứu khá khiêm tốn ở Việt Nam. Hiện nay chưa có một nghiên cứu cụ thể về học thuyết can thiệp nhân đạo, về những ảnh hưởng của nó tới Luật quốc tế hiện đại dưới góc độ là một nhân tố tác động nhằm hoàn thiện Luật quốc tế.

- Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Vấn đề này được nghiên cứu từ rất lâu ở nhiều quốc gia và có rất nhiều công trình về nó. Từ sau năm 1989, các học giả luật quốc tế ủng hộ can thiệp nhân đạo tiếp tục đưa ra những luận điểm mới chứng minh sự hợp lý và cần thiết của hoạt động can thiệp nhân đạo. Bên cạnh đó, xuất hiện một xu thế nghiên cứu về can thiệp nhân đạo nhằm tìm cách áp dụng hoạt động này một cách hiệu quả hơn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của sự hình thành và phát triển của học thuyết can thiệp nhân đạo, và từ đó đánh giá những hạt nhân tích cực của học thuyết này. Qua đó đề xuất những giải pháp cho Luật quốc tế hiện đại nhằm phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của học thuyết.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu vấn đề can thiệp nhân đạo theo nghĩa hẹp: **can thiệp có sử dụng vũ lực**. Luận văn đề cập đến tính chất nhân đạo là hệ quả của hoạt động sử dụng vũ lực, chứ không đề cập đến tính chất nhân đạo là hệ quả của các thảm họa tự nhiên như: động đất, núi lửa, lũ lụt, sóng thần,...

Đề tài sẽ đi sâu vào việc phân tích can thiệp nhân đạo dưới góc độ là một học thuyết pháp lý với lịch sử hình thành và các hoạt động thực tiễn. Qua đó chỉ ra những đặc điểm của hoạt động can thiệp nhân đạo cùng với tính ưu và nhược của nó. Từ đó xây dựng một cơ chế pháp lý cho hoạt động can thiệp nhân đạo trong quan hệ quốc tế hiện nay.

5. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Các quan điểm hình thành nên học thuyết can thiệp nhân đạo và hoạt động can thiệp nhân đạo theo tiến trình lịch sử. Bên cạnh đó, cũng sẽ nghiên cứu các quy định của pháp luật quốc tế hiện đại liên quan đến hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế của Liên hợp quốc, vấn đề bảo vệ quyền con người cũng như vấn đề can thiệp theo các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế.

- Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Mac - Lenin. Bên cạnh đó kết hợp các biện pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, nghiên cứu và đánh giá các sự kiện, quan điểm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Đề tài khai thác các vấn đề của học thuyết can thiệp nhân đạo, đưa ra các nhận định, đánh giá về những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động

can thiệp nhân đạo. Bên cạnh đó, đề tài cũng gợi mở những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và tìm hiểu về can thiệp nhân đạo.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Can thiệp nhân đạo trong hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế.

Chương 2: Luật quốc tế và lý thuyết về can thiệp nhân đạo.

Chương 3: Can thiệp nhân đạo - một hình thức mới và đặc biệt để giữ gìn hòa bình quốc tế.

Chương 1

CAN THIỆP NHÂN ĐẠO

TRONG HOẠT ĐỘNG GIỮ GÌN HÒA BÌNH QUỐC TẾ

1.1. Giữ gìn hòa bình quốc tế: khái niệm, lịch sử hình thành, các hình thức và nguyên tắc cơ bản

1.1.1. Khái niệm giữ gìn hòa bình quốc tế

Về bản chất, giữ gìn hòa bình quốc tế là những hoạt động đóng góp cho tương lai quá trình giải quyết và thiết lập nền hòa bình.

Theo nghĩa hẹp, giữ gìn hòa bình được Liên hợp quốc xem là các biện pháp có tính chất đem lại hòa bình, nhằm mục đích làm ổn định tình hình trong khu vực xung đột, tạo ra những điều kiện thuận lợi để giải quyết xung đột một cách hòa bình cũng như khôi phục trở lại và duy trì hòa bình.

1.1.2. Lịch sử hình thành của hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế

Hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế được hình thành và thực hiện lần đầu tiên bởi Liên hợp quốc.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, sự phân chia thế giới thành hai cực thù địch khiến thỏa thuận gìn giữ hòa bình rất khó được thông qua. Hoạt động giữ gìn hòa bình vì thế được thực hiện rất ít, và hiệu quả đạt được không cao.

Sau chiến tranh lạnh, Liên hợp quốc đã liên tiếp tổ chức các chiến dịch gìn giữ hòa bình mới để giải quyết các cuộc xung đột giữa các quốc gia. Đây là những chiến dịch gìn giữ hòa bình mang tính chất truyền thống, lực lượng gìn giữ hòa bình đứng giữa các bên tham chiến.

Từ năm 1988 đến nay, các cuộc xung đột nội bộ liên quan sắc tộc, tôn giáo, văn hóa, tranh chấp tài nguyên bùng lên dữ dội. Chúng đòi hỏi phải đổi mới hoạt động của lực lượng gìn giữ hòa bình để xây dựng hòa bình, tái thiết đất nước đã bị chiến tranh tàn phá. Vì thế, ngoài chức năng quân sự, hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế còn thực hiện các chức năng khác như kiểm soát các cơ quan hành chính, tổ chức và tiến hành bầu cử, thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội, quan sát về việc thực hiện quyền con người, giúp đỡ công cuộc xây dựng nhà nước,...

Cũng từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế còn được tiến hành sau khi tiến hành đàm phán, với mục đích giúp đỡ các bên thực hiện các điều kiện về giải quyết xung đột một cách toàn diện.

Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng trong nhiều trường hợp hoạt động giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc đã không mang lại thành công, thậm chí là thất bại lớn lao. Có thể kể đến là các trường hợp tại Bosnia và Herzegovina, Somali, Rwanda, Congo trong những năm 90 của thế kỷ XX.

Bên cạnh đó, cũng trong thập kỷ cuối của thế kỷ XX, hàng loạt hệ thống an ninh khu vực được thiết lập và hoạt động trên cơ sở tuân thủ mục đích và nguyên tắc của Liên hợp quốc, nhằm giữ gìn hòa bình trong khu vực. Có thể kể đến là hoạt động giữ gìn hòa bình của OSCE, SNG, AU, OSA,...

1.1.3. Các hình thức cơ bản của hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế

1.1.3.1. An ninh tập thể

An ninh tập thể là hệ thống các biện pháp chung của cả cộng đồng quốc tế hay của một nhóm quốc gia trong cùng khu vực địa lý nhất định, được áp dụng nhằm ngăn ngừa hoặc loại trừ mối đe dọa hòa bình và chặn đứng hành vi xâm lược hoặc các hành vi phá hoại hòa bình khác.

1.1.3.2. Ngoại giao phòng ngừa

Ngoại giao phòng ngừa được hiểu là hoạt động được tiến hành nhằm "ngăn ngừa tranh chấp có thể nảy sinh giữa các bên, ngăn ngừa những tranh chấp đang diễn ra để tránh leo thang thành các cuộc xung đột và hạn chế mức độ lan rộng của các cuộc xung đột khi xảy ra".

1.1.3.3. Cường chế hòa bình

Cường chế hòa bình là hoạt động được tiến hành không cần sự chấp nhận của các bên để đảm bảo tuân thủ ngừng bắn theo quyết định của Hội đồng Bảo an.

1.1.3.4. Kiến tạo hòa bình

Kiến tạo hòa bình là các hoạt động thương lượng và trung gian hòa giải, nhằm đưa các bên thù địch đi đến thỏa thuận bằng các biện pháp hòa bình, theo tinh thần chương VI Hiến chương Liên hợp quốc.

1.1.3.5. Xây dựng hòa bình sau xung đột

Xây dựng hòa bình sau xung đột là các biện pháp được tiến hành để thúc đẩy hợp tác kinh tế và xã hội, nhằm xây dựng lòng tin giữa các bên đã từng tham chiến, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và chính trị, ngăn ngừa bạo lực xảy ra trong tương lai, củng cố và giữ gìn hòa bình lâu bền như viện trợ phát triển, cai quản hành chính, dân sự và thúc đẩy thực hiện các quyền con người.

1.1.3.6. Giải trừ quân bị

Giải trừ quân bị là hệ thống các biện pháp được tiến hành nhằm cắt giảm hoặc tiêu hủy các phương tiện tiến hành chiến tranh, cắt giảm lực lượng vũ trang và các tổ chức vũ trang của các quốc gia, cắt giảm việc chế tạo, sản xuất, tiêu hủy vũ khí kể cả việc tiêu hủy dần dần dẫn tới tiêu hủy hoàn toàn vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác.

1.1.3.7. Các biện pháp củng cố lòng tin

Các biện pháp củng cố lòng tin là các biện pháp tổ chức - kỹ thuật riêng biệt do các quốc gia cùng nhau xây dựng, nhằm đạt tới sự hiểu biết lẫn nhau, giảm trừ đối kháng quân sự, ngăn chặn các cuộc tấn công bất ngờ hoặc các cuộc xung đột không tuyên bố, trong đó có xung đột hạt nhân. Các biện pháp này bao gồm quan sát, thông báo, thông tin, trao đổi thông tin về vũ khí, về lực lượng vũ trang và hoạt động quân sự.

1.1.3.8. Các biện pháp bảo đảm an ninh quốc tế

Các biện pháp bảo đảm an ninh quốc tế là các biện pháp do các cường quốc hạt nhân chủ động bảo đảm và thực hiện đối với các nước không có vũ khí hạt nhân nhằm bảo đảm hòa bình và an ninh quốc tế. Các biện pháp này được phân biệt thành biện pháp chủ động và biện pháp thụ động.

1.1.4. Nguyên tắc hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế

1.1.4.1. Nguyên tắc an ninh không chia cắt

Trong một thế giới không chia cắt hiện nay đòi hỏi một nền an ninh chung, trong đó an ninh của mỗi quốc gia phụ thuộc vào an ninh của mọi

quốc gia khác. Không thể xây dựng an ninh của một hay một nhóm quốc gia mà bỏ qua an ninh của các quốc gia khác hay của cả cộng đồng quốc tế.

Nguyên tắc này không chia cắt không loại bỏ nhu cầu bảo đảm an ninh của một quốc gia. Tuy nhiên, để bảo đảm an ninh chung cho cộng đồng quốc tế, an ninh của mỗi quốc gia cần được giữ ở mức độ cần thiết, phù hợp giữa an ninh riêng của quốc gia và an ninh chung của cả cộng đồng. Bên cạnh đó, nhằm tránh chạy đua vũ trang, mỗi quốc gia chỉ cần xây dựng lực lượng vũ trang và trang bị vũ khí ở mức độ vừa đủ để phòng thủ đất nước.

1.1.4.2. Nguyên tắc an ninh bình đẳng

Để đảm bảo an ninh chung của cả cộng đồng quốc tế, các quốc gia có nghĩa vụ tôn trọng sự cân bằng về quân sự trong khu vực và trên thế giới. Mặt khác, an ninh của các quốc gia đều phải được bảo đảm như nhau, không một quốc gia hoặc một nhóm quốc gia nào có quyền tìm mọi cách để tạo ra ưu thế về an ninh cho mình trước các quốc gia khác trong khu vực và trong cả cộng đồng quốc tế.

1.2. Lịch sử hình thành, phát triển và thực tiễn hoạt động của học thuyết can thiệp nhân đạo

1.2.1. Từ sự hình thành khái niệm can thiệp nhân đạo tới việc trở thành một hệ thống trong pháp luật quốc tế

Khái niệm "can thiệp nhân đạo" được hình thành từ khá sớm. Lần đầu tiên thuật ngữ này được nhắc tới là vào thế kỷ XIII bởi Thomas Aquinas. Đây là quan niệm cổ điển về can thiệp nhân đạo. Nó bao gồm mọi hình thức sử dụng lực lượng vũ trang của một quốc gia nhằm bảo vệ cuộc sống và sự tự do của công dân nước mình đang cư trú trên lãnh thổ của quốc gia khác do quốc gia đó không tự nguyện và không có khả năng để làm việc đó một mình.

Đến thế kỷ XVI, XVII, can thiệp nhân đạo được xây dựng thành hệ thống có nguồn gốc từ thuyết pháp quyền tự nhiên và chủ nghĩa tự do. Với đặc điểm chưa xuất hiện các quy định về cấm sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, và các quốc gia đang coi chiến tranh là phương tiện hữu hiệu để giải quyết các tranh chấp, xung đột quốc tế nên vào thế kỷ XIX học thuyết can thiệp nhân đạo được các học giả chấp nhận và ủng hộ. Tính hợp pháp của can thiệp nhân đạo được chấp nhận trên cơ sở luật tập quán quốc tế. Vì thế, trong suốt thế kỷ XIX, các hoạt động can thiệp nhân đạo được tiến hành rộng rãi.

1.2.2. Những hoạt động can thiệp nhân đạo trong thời gian chiến tranh lạnh (1945-1991)

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, hoạt động của Hội đồng bảo an bị tê liệt do cuộc đối đầu Liên Xô - Mỹ, vì thế hạn chế hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế của Liên hợp quốc.

Hoạt động can thiệp nhân đạo dưới sự cho phép của Liên hợp quốc trong giai đoạn chiến tranh lạnh diễn ra rất ít và đạt được kết quả cực kỳ khiêm tốn. Một số quốc gia đơn lẻ vẫn tiến hành can thiệp nhân đạo, và đạt được những kết quả rất khó đánh giá. Bên cạnh đó là hàng loạt các vi phạm quyền con người nghiêm trọng, thậm chí trở thành thảm họa nhân đạo, vẫn diễn ra suốt thời gian này mà không có sự can thiệp hay thậm chí là sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

1.2.3. Thực tiễn của hoạt động can thiệp nhân đạo trong giai đoạn hiện nay

Sáng 02/08/1990, quân đội Iraq tấn công xâm lược Kuwait và nhanh chóng giành thắng lợi. Được sự cho phép của Liên hợp quốc, một lực lượng đồng minh với hơn 30 quốc gia, đã tiến hành can thiệp vào Iraq.

Ngày 17/01/1991 lực lượng quân đội đa quốc gia bắt đầu mở các cuộc tiến công chống quân đội Iraq. Ngày 28/02/1991 chiến tranh chấm dứt sau khi tổng thống Saddam Hussein ra lệnh ngừng bắn. Đây là hoạt động can thiệp đầu tiên, cũng là một hoạt động can thiệp nhân đạo, được sự đồng ý của Liên hợp quốc sau chiến tranh lạnh.

Sau khi chiến tranh chấm dứt, chính phủ Iraq lại tiếp tục sử dụng sức mạnh quân sự chống lại sự nổi dậy của người Kurd ở miền bắc và người Shi'ite ở miền nam. Trước tình hình đó, Mỹ và Anh đơn phương thiết lập "Vùng cấm bay" trên các khu vực tương ứng của lãnh thổ Iraq, với lý do là bảo vệ người Kurd và người Shi'ite.

Trong những năm tiếp theo, chúng ta chứng kiến Hoa Kỳ tiến hành can thiệp nhân đạo tại Somali (1992-1993) dưới sự ủy thác của Liên hợp quốc và thất bại hòa toàn. Năm 1994 diễn ra thảm họa diệt chủng tại Rwanda, và Lực lượng cứu trợ Liên hợp quốc tại Rwanda hoàn toàn không làm được gì trong việc ngăn chặn thảm họa diệt chủng này. Thất bại tương tự của Liên hợp quốc tiếp tục diễn ra ở Bosnia trong thời gian 1992-1995.

Và hoạt động của NATO tại Kosovo, dẫn đầu bởi Hoa Kỳ năm 1999, đã trở thành nguyên mẫu của hình thức can thiệp nhân đạo mới - một cuộc "chiến tranh nhân đạo".

Với một mô hình đã được dựng sẵn, đầu thế kỷ XXI, thế giới tiếp tục chứng kiến những sự kiện tương tự. Năm 2003, bất chấp sự phản đối của Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế, Mỹ tấn công Iraq, với nhiều lý do mà trong đó bao gồm mục đích nhân đạo là bảo vệ người Kurd đang bị diệt chủng. Năm 2006, quân đội Nga tấn công vào lãnh thổ Gruzia nhằm bảo vệ thường dân là dân tộc Osetia và các binh lính gìn giữ hòa bình người Nga đóng tại Nam Osetia đang bị chính quyền Gruzia giết hại. Tháng 12/2008, với lý do bảo vệ dân thường trước những cuộc tấn công của các chiến binh Hammas nhằm vào dân thường nước mình, Israel tấn công vào dải Gaza.

1.3. Khía cạnh chủ chốt của học thuyết can thiệp nhân đạo trong hoạt động can thiệp của NATO ở Kosovo

1.3.1. Diễn biến khủng hoảng tại Kosovo

Hiến pháp năm 1974 của Liên bang Nam Tư đã trao quyền tự trị đầy đủ cho Kosovo. Tháng 07/1990, Slobodan Milosevic giải tán quốc hội Kosovo, và sau đó người Albania Kosovo đã tự thành lập một quốc hội riêng và tuyên bố độc lập.

Năm 1996, quân đội giải phóng Kosovo (KLA) được thành lập và bắt đầu tiến hành những hành động bạo lực với quy mô nhỏ, nhằm chống lại cảnh sát và quan chức Serbia. Đầu năm 1998, Belgrade quyết định tiến hành đàn áp lực lượng Albania. Giữa tháng 07/1998, sau sự kiện hơn 60 cảnh sát Serbia thiệt mạng khi giao tranh với KLA, Milosevic đã ra lệnh tấn công toàn lực. Kết quả, hơn 200 người Albania bị sát hại và hơn 300.000 người phải chạy trốn khỏi Kosovo.

Trước tình hình đó, Hội đồng bảo an Liên hợp quốc hoàn toàn bất lực, không thể tiến hành can thiệp bởi quyền phủ quyết vecto của Nga và Trung Quốc.

NATO đưa ra tối hậu thư với Nam Tư yêu cầu chấm dứt tấn công quân sự tại Kosovo, nếu không NATO sẽ tiến hành ném bom. Giữa tháng 03/1999, chính quyền Nam Tư và KLA thất bại trong việc đàm phán hiệp định hòa bình do NATO đưa ra. Trong vòng 11 tuần, từ 24/03/1999 đến

10/06/1999, NATO đã thực hiện các cuộc ném bom quân sự trên lãnh thổ Liên bang Nam Tư, một quốc gia thành viên của Liên hợp quốc mà không được sự cho phép của Hội đồng bảo an.

1.3.2. Khía cạnh chủ chốt của học thuyết can thiệp nhân đạo trong hoạt động can thiệp của NATO ở Kosovo

Những học giả ủng hộ học thuyết can thiệp nhân đạo cho rằng, quyết định can thiệp tại Kosovo của NATO là hành động được thúc đẩy bởi **động cơ nhân đạo**.

Hoạt động can thiệp của NATO ở Kosovo được các học giả ủng hộ và các quốc gia thực hiện coi là can thiệp vì mục đích nhân đạo thuần khiết, không vụ lợi. Mục đích nhân đạo này chính là cơ sở để NATO thực hiện can thiệp vũ trang vào Kosovo, cũng như xác định tính hợp pháp của hoạt động can thiệp mà không cần đến sự cho phép của Liên hợp quốc hay sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế.

Hoạt động can thiệp của NATO tại Kosovo được thực hiện bởi vì có những **vi phạm nghiêm trọng quyền con người** tại đây. Sự đàn áp của chính quyền Belgrade đối với người Albania bao gồm hành vi giết hại và bạo lực dã man. Hơn thế nữa, có thông tin cho rằng nhà nước Serbia đang tiến hành diệt chủng người Albania. Các nước phương Tây, dẫn đầu là NATO, mà chính xác là các quốc gia lãnh đạo NATO, xác định rằng đây là một thảm họa nhân đạo, cùng với dòng người tị nạn cũng như di tản khổng lồ trong lãnh thổ Nam Tư. Các quốc gia này cũng đánh giá rằng, tình hình ở Kosovo sẽ đe dọa đến hòa bình và an ninh khu vực Balkan, một vùng đất nóng của thế giới về bất ổn và xung đột vũ trang.

Và cuối cùng, hoạt động can thiệp của NATO tại Kosovo sử dụng **sức mạnh vũ trang**. Đứng trước khủng hoảng nhân đạo ở Kosovo, phản ứng của NATO là yêu cầu chính quyền Serbia ngừng các cuộc tấn công đối với người Albania. Nếu không tuân thủ, NATO sẽ tiến hành không kích. Và trong thời gian của cuộc khủng hoảng, các phương pháp hòa bình để giải quyết hầu như không được NATO áp dụng, mà chủ yếu là đe dọa sử dụng vũ lực để các bên liên quan chấm dứt xung đột. Và khi đàm phán giữa các bên xung đột không thành công, NATO ngay lập tức tiến hành sử dụng sức mạnh quân sự của mình.

Như vậy, bằng hoạt động can thiệp của NATO tại Kosovo, học thuyết can thiệp nhân đạo đã phát triển thêm một bước mới. Ở đây, can thiệp nhân đạo đã trở thành "chiến tranh nhân đạo" - những cuộc chiến thật sự được phát động vì mục tiêu nhân đạo. Lực lượng vũ trang được huy động trên diện rộng nhằm ngăn chặn các khủng hoảng nhân đạo mà việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của chúng tới hòa bình và an ninh quốc tế không còn phụ thuộc vào Liên hợp quốc.

Chương 2

LUẬT QUỐC TẾ VÀ LÝ THUYẾT VỀ CAN THIỆP NHÂN ĐẠO

2.1. Khía cạnh hợp pháp của can thiệp nhân đạo: tỷ lệ hợp lý giữa luật quốc tế hiện đại và vấn đề bảo vệ quyền con người

2.1.1. Can thiệp nhân đạo theo quan điểm của Luật quốc tế hiện đại

Trong thế kỷ XX, lý thuyết can thiệp nhân đạo mất dần cơ sở thực tế trong quan hệ giữa các nước và cũng mất dần cơ sở pháp lý trong luật pháp quốc tế. Tổ chức toàn cầu Liên hợp quốc ra đời cùng với Hiến chương và các văn bản pháp lý khác của tổ chức này đánh dấu sự ghi nhận chính thức nguyên tắc cấm sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác, nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế,... Chúng đã tạo ra cản trở cho hoạt động can thiệp, dù là can thiệp vì mục đích nhân đạo.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn chứng kiến sự tồn tại thực tế của can thiệp nhân đạo. Và sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, hoạt động can thiệp nhân đạo được thực hiện ngày càng nhiều, với sự phức tạp ngày càng tăng.

Tại cốt lõi của nó, can thiệp nhân đạo không là gì ngoài sự can thiệp mạnh mẽ vào công việc nội bộ của một quốc gia có chủ quyền, cùng mục đích công khai: ngăn ngừa hoặc ngăn chặn tội ác diệt chủng, các hành vi vi phạm quyền con người trên quy mô lớn và các thảm họa nhân đạo khác, và duy trì ổn định và hòa bình trong khu vực. Đối mặt với một tương lai có nhiều xung đột vũ trang thì vấn đề nhân quyền trở thành một vấn đề cấp bách. Và những thảm họa nhân đạo hoàn toàn có thể đe dọa hòa bình và an ninh thế giới như ở Rwanda, Bosnia,

Somali,... mà quốc gia sở tại không muốn hoặc không thể giải quyết. Rõ ràng, đã đến lúc tìm kiếm phương án dung hòa để can thiệp nhân đạo trở thành một phương pháp giữ gìn hòa bình quốc tế hữu hiệu.

2.1.2. Bảo vệ quyền con người là một lĩnh vực quan trọng của Luật quốc tế

Kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, với sự ra đời của Liên hợp quốc và Hiến chương của tổ chức này, lần đầu tiên, cộng đồng quốc tế đã thể chế hóa nghĩa vụ bảo vệ quyền con người thành một nghĩa vụ quốc tế của các quốc gia. Từ đây, bảo vệ quyền con người trở thành một trong những lĩnh vực quan trọng của pháp luật quốc tế.

Ở góc độ pháp lý, quyền con người được bắt đầu từ môi trường quốc gia, sau đó cộng đồng quốc tế mới có thể thống nhất về những giá trị, chuẩn mực, quy định, nguyên tắc để điều chỉnh cách thức ứng xử của quốc gia đối với công dân nước mình và với công dân nước khác.

Kể từ khi Liên hợp quốc ra đời cho đến nay, đã có 25 điều ước quốc tế đa phương toàn cầu được ký kết và đang có hiệu lực, điều chỉnh các lĩnh vực khác nhau của quyền con người. Bên cạnh đó, các quốc gia cũng ký kết và thông qua các điều ước quốc tế đa phương khu vực về bảo vệ quyền con người.

Song song với nó là cơ chế bảo vệ và phát triển quyền con người. Cơ chế này bao gồm các thiết chế quốc tế và quốc gia.

Cơ chế quốc tế về đảm bảo quyền con người đầu tiên phải kể đến là các thiết chế bảo vệ quyền con người trong khuôn khổ Liên hợp quốc, gồm có: Đại hội đồng, Hội đồng nhân quyền, Hội đồng kinh tế - xã hội, Trung tâm quyền con người thuộc Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người.

Các điều ước quốc tế đa phương toàn cầu về quyền con người cũng tạo ra các cơ chế quốc tế để giải quyết vấn đề nhân quyền.

Các thiết chế do các quốc gia tạo lập rất phong phú, nhưng nhìn chung chúng bao gồm các thiết chế hoạt động với tư cách các cơ quan chính phủ và loại thiết chế là các cơ quan quốc gia về quyền con người đóng vai trò tư vấn trong việc bảo vệ quyền con người ở góc độ quốc gia và quốc tế. Thông thường, các quốc gia thành lập các cơ quan sau: các ủy ban về quyền con người, thanh tra quốc hội và các cơ quan đặc biệt.

2.1.3. Khái niệm về "chủ quyền hạn chế"

Trước sự phụ thuộc lẫn nhau trong nhiều mặt của các quốc gia và các vấn đề mang tính chất toàn cầu của những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, khái niệm "chủ quyền hạn chế" được các luật gia phương Tây nêu ra. Về mặt nội hàm, khái niệm này không là gì khác hơn việc không công nhận chủ quyền tối cao và toàn vẹn của quốc gia. Theo đó, quốc gia không được tự mình quyết định các vấn đề mang tính chất quốc tế, ảnh hưởng tới các quốc gia khác, không chỉ trong phạm vi đối nội và còn trong lĩnh vực đối ngoại. Việc giải quyết các vấn đề đó thuộc trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, thông qua các tổ chức quốc tế toàn cầu hoặc khu vực.

Sau năm 1999, khái niệm "chủ quyền hạn chế" một lần nữa được nhắc đến một cách quyết liệt bởi các quốc gia lãnh đạo khối NATO, nhằm ủng hộ cho lý thuyết can thiệp nhân đạo hiện đại. Theo đó, vấn đề nhân đạo, mà cụ thể hơn là trước một thảm họa nhân đạo, không còn là công việc đối nội thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia nữa. Khi xảy ra những vi phạm quyền con người nghiêm trọng trong một quốc gia, các quốc gia khác có nghĩa vụ phải can thiệp để chấm dứt những hành vi đó. Ở đây, lý do nhân đạo trở thành cái cớ để một hay một nhóm quốc gia can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

Tuy vậy, các nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, cấm can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác vẫn còn nguyên giá trị trong hệ thống Luật quốc tế hiện nay. Do đó, khái niệm "chủ quyền hạn chế" chỉ là "tám bình phong" cho một số quốc gia tiến hành can thiệp thô bạo vào chủ quyền của quốc gia khác. Và những hành vi được thực hiện trên cơ sở đó hoàn toàn trái pháp luật, dù với mục đích nhân đạo hay với bất kỳ lý do nào khác.

2.2. Lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo

2.2.1. Hoàn cảnh ra đời của lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo

Hiện nay, thế giới đang đối mặt với sự gia tăng mạnh mẽ các xung đột có từ lâu đời về sắc tộc, dân tộc, tôn giáo. Những cuộc xung đột đó đã bộc lộ một số đặc tính riêng biệt sau:

Trước hết, phần lớn những xung đột này là nội bộ và dù trầm trọng nhưng lại không phải là phạm vi giải quyết của Luật pháp quốc tế, không vi

phạm các nguyên tắc về tính toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia và quyền dân tộc tự quyết. Do đó chúng làm phát sinh ít nhất hai tính chất quan trọng của các hoạt động nhân đạo:

- Hoạt động can thiệp thuộc về các tổ chức quốc tế thường trực, chống các đội quân được huấn luyện chính quy.
- Hoạt động can thiệp nhân đạo cho đến nay đạt được một hiệu quả rất khiêm tốn trong việc giải quyết các xung đột nội bộ.

Thứ hai, các xung đột hiện đại ngày càng ác liệt, với nạn nhân chủ yếu là thường dân. Và những người dân thường được chủ tâm lựa chọn là mục tiêu. Chúng đủ sức hợp thành một thảm họa nhân đạo sâu sắc mà cộng đồng quốc tế cần quan tâm.

Thứ ba, trong các xung đột nội bộ hiện nay, các bên tham chiến nhận được sự ủng hộ rộng rãi của các thế lực bên ngoài - một số quốc gia có lợi ích chính trị và kinh tế liên quan, các tổ chức tội phạm quốc tế, cộng đồng dân tộc, cộng đồng tôn giáo, ... Do vậy mà, dù là các xung đột nội bộ nhưng sự ảnh hưởng của chúng không chỉ bị giới hạn trong phạm vi quốc gia mà vượt ra ngoài ranh giới đó, trong những trường hợp nhất định chúng ảnh hưởng tới hòa bình, an ninh khu vực.

2.2.2. Lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo

Lý thuyết mới về can thiệp nhân đạo được xây dựng và phát triển với các đặc điểm đặc trưng sau:

- **Mục đích nhân đạo là cơ sở tồn tại và cơ sở pháp lý cho hoạt động can thiệp nhân đạo.**

Mục đích nhân đạo là điều kiện hàng đầu và tiên quyết cho mọi cuộc can thiệp nhân đạo. Chỉ khi có mục đích nhân đạo thì vấn đề can thiệp nhân đạo mới được tính đến.

Với sự phát triển của Luật quốc tế hiện đại, hệ thống các nguyên tắc cơ bản đã được xác lập, trong đó có sự thừa nhận thống nhất chống lại việc sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng, chống lại việc can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Tính hợp pháp của hoạt động can thiệp nhân đạo vì thế mà được các học giả đặt ra và mục đích nhân đạo của hoạt động là một trong những yếu tố nhằm xác định tính hợp pháp này.

Nhưng cho đến thời điểm này, các tiêu chí để xác định một hành vi can thiệp có mang "mục đích nhân đạo" hay không thì chưa hề được thống nhất. Các học giả chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí này, và các cường quốc vẫn tiếp tục sử dụng mục đích nhân đạo như là một biện minh cho các hành động quân sự ngày càng mở rộng của mình.

- **Sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người là căn cứ để thực hiện can thiệp nhân đạo**

Những học giả ủng hộ can thiệp nhân đạo cho rằng, trong trường hợp xảy ra các cuộc khủng hoảng nhân đạo khi một quốc gia rơi vào nội chiến hoặc tình trạng vô chính phủ hoặc khi chính quyền sở tại áp bức người dân của chính nước họ, các quốc gia khác không thể coi các nguyên tắc cơ bản của trật tự pháp lý quốc tế về tôn trọng chủ quyền và không can thiệp là bất khả xâm phạm. Vì vậy, Liên hợp quốc phải đóng vai trò chính yếu trong việc bảo vệ nhân quyền.

Một số luật gia còn đi xa hơn khi cho rằng nếu Liên hợp quốc thất bại trong hành động, các quốc gia thành viên có thể can thiệp bằng vũ lực để bảo vệ nhân quyền. Ngoài ra, họ còn lập luận rằng quyền được tiến hành can thiệp nhân đạo tồn tại trong tập quán quốc tế độc lập với Hiến chương Liên hợp quốc. Chính dựa vào quan điểm này mà NATO đã tự mình xác định tình trạng nhân đạo tại Kosovo năm 1999 là một thảm họa nhân đạo và cho mình quyền tiến hành can thiệp vũ trang khi không đạt được sự cho phép của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

- **Sử dụng lực lượng vũ trang quy mô lớn trong hoạt động can thiệp nhân đạo**

Với hoạt động can thiệp của NATO tại Kosovo năm 1999 cũng như các hoạt động can thiệp nhân đạo được thực hiện sau thời gian đó, chúng ta có thể thấy đặc điểm về sử dụng vũ lực trong các hoạt động này đã có những đặc điểm cơ bản, đó là:

- Biện pháp vũ lực được sử dụng gần như ngay lập tức khi xác định được thảm họa nhân đạo.
- Huy động lực lượng vũ trang ở quy mô lớn, không hề tương xứng với mục đích cần thực hiện, và gần như đè bẹp lực lượng quân đội của quốc gia sở tại.

Chương 3

CAN THIỆP NHÂN ĐẠO - MỘT HÌNH THỨC MỚI VÀ ĐẶC BIỆT ĐỂ GIỮ GÌN HÒA BÌNH QUỐC TẾ

3.1 Xây dựng khái niệm can thiệp nhân đạo thích hợp với luật quốc tế hiện đại nhằm giữ gìn hòa bình quốc tế

Can thiệp nhân đạo dưới góc độ là một hình thức mới để giữ gìn hòa bình quốc tế cần phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là hoạt động được tiến hành khi có sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người.
- Quốc gia sở tại nơi diễn ra sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người không muốn hoặc không thể chấm dứt sự vi phạm đó.
- Là hoạt động được tiến hành bằng các biện pháp vũ trang.
- Là hoạt động được tiến hành bởi sự ủy nhiệm của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

Từ đây, có thể đưa ra định nghĩa mới về can thiệp nhân đạo như sau:

Can thiệp nhân đạo là hoạt động sử dụng vũ lực vào một quốc gia dưới sự cho phép của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, nhằm chấm dứt sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người diễn ra tại quốc gia đó.

3.2. Phát triển luật quốc tế trong việc điều chỉnh thống nhất can thiệp nhân đạo

3.2.1. Thống nhất quan điểm về mối quan hệ giữa chủ quyền và nhân quyền

Những quốc gia và học giả ủng hộ can thiệp nhân đạo cho rằng, vấn đề bảo vệ quyền con người vượt ra ngoài phạm vi chủ quyền quốc gia, vì thế mà các quốc gia khác có quyền can thiệp nhằm bảo vệ nhân quyền mà không coi là can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Hơn thế nữa nhân quyền cao hơn chủ quyền. Những người phản đối thì giữ quan điểm chủ quyền quốc gia luôn cao hơn nhân quyền, vì thế vấn đề nhân quyền luôn thuộc công việc nội bộ của quốc gia, và can thiệp vì lý do nhân đạo là vi phạm nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế. Vì vậy, giải quyết mối quan hệ giữa nhân quyền và chủ quyền chính là xác định vị trí của can thiệp nhân đạo trong luật quốc tế hiện đại.

Ngay từ khi nhân quyền được pháp điển hóa trong pháp luật quốc tế, có một nguyên tắc mặc nhiên được thừa nhận đó là, *chủ quyền quốc gia là tiền đề để bảo đảm nhân quyền*. Luật quốc tế không chấp nhận hành động xâm phạm chủ quyền với danh nghĩa bảo vệ nhân quyền.

Dù rằng bảo vệ nhân quyền là công việc nội bộ của từng quốc gia, nhưng cũng có rất nhiều quốc gia, bằng chính sách và công cụ của mình, đã tàn sát dân thường hoặc phạm tội ác diệt chủng. Vì thế, đối với sự phát triển của Luật quốc tế trong việc điều chỉnh thống nhất về can thiệp nhân đạo cần thiết phải xây dựng điều kiện, cơ chế cho can thiệp nhân đạo dưới sự ủy quyền của Liên hợp quốc.

3.2.2. Xây dựng các điều kiện tiên quyết cho can thiệp nhân đạo

3.2.2.1. Có sự vi phạm quyền con người bởi các hành vi thảm sát hoặc diệt chủng

Các học giả khi nhắc đến điều kiện tiên quyết để tiến hành can thiệp nhân đạo là khi xuất hiện sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người. Tuy nhiên, để xác định mức độ "nghiêm trọng" này thì hiện nay chưa có căn cứ cụ thể nào được xác lập. Vì thế mà dẫn đến sự mơ hồ trong cách giải thích và áp dụng của các quốc gia lẫn Hội đồng bảo an khi cân nhắc đến việc can thiệp nhân đạo.

Dựa vào thực tiễn của trường hợp vi phạm quyền con người nghiêm trọng thì có thể xác định được rằng chúng đều phát sinh từ các hành vi thảm sát hoặc diệt chủng.

Hành vi diệt chủng được xác định theo Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948. Còn hành vi thảm sát là một trong 11 hành vi được quy định là cấu thành tội chống loài người theo Quy chế Rome năm 1998 về Tòa án hình sự quốc tế.

Trong cả hai hành vi này, theo quy định của pháp luật quốc tế hiện hành, sự cố ý hay tính mục đích của những người thực hiện hành vi phải hiện hữu. Nhưng những cuộc thảm sát và diệt chủng đã chứng minh rằng, rất khó để người ta xếp riêng động cơ của chúng theo như định nghĩa. Vì vậy, cần xây dựng các văn bản pháp lý quốc tế về những hành vi thảm sát và diệt chủng là điều kiện cụ thể cho việc bắt đầu hoạt động can thiệp nhân đạo.

3.2.2.2. Quốc gia nơi diễn ra hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người không muốn hoặc không thể chấm dứt tình trạng này

Nếu quốc gia nơi đang diễn ra hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người có ý định chấm dứt các hành vi vi phạm hoặc đang tiến hành các biện pháp nhằm chấm dứt các hành vi đó và hoàn toàn có khả năng đạt được hiệu quả thì can thiệp nhân đạo không cần thiết và không thể xảy ra.

Bảo vệ quyền con người là nghĩa vụ của mỗi quốc gia, nên khi quốc gia sở tại vi phạm nghĩa vụ này thì cộng đồng quốc tế có quyền can thiệp nhằm thiết lập lại dân chủ, trật tự cùng các nền tảng để bảo đảm các quyền cơ bản của người dân.

3.2.2.3. Sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người đe dọa hoặc phá hoại hòa bình và an ninh quốc tế

Việc xác định mức độ của tình huống để đánh giá tác động của nó tới hòa bình và an ninh quốc tế của Hội đồng bảo an phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể mà chưa căn cứ vào những tiêu chí cụ thể. Vì thế, Liên hợp quốc cần xây dựng các văn bản quy phạm luật quốc tế nhằm xác lập các tiêu chí nhằm đánh giá tình huống hòa bình và an ninh quốc tế bị đe dọa hay đang bị phá hoại, tạo nên sự thống nhất trong phương pháp làm việc của Hội đồng bảo an. Hơn thế nữa, các tiêu chí đó sẽ tạo điều kiện cho Hội đồng bảo an đưa ra các quyết định nhanh chóng, nhằm ngăn chặn kịp thời các thảm họa nhân đạo.

3.2.3. Triển khai cơ chế cho can thiệp nhân đạo

- Cơ chế cảnh báo sớm đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người tại các quốc gia

Liên hợp quốc hầu như chỉ biết đến các vi phạm nghiêm trọng quyền con người khi nó đã diễn ra và gây hậu quả nghiêm trọng trong một quốc gia. Khi đó, dù Liên hợp quốc có triển khai hoạt động can thiệp nhân đạo nhanh chóng đến đâu thì cũng chỉ ngăn chặn được các hành vi đó tiếp tục xảy ra và nó là quá muộn đối với những thiệt hại đã xảy ra trước đó - là những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần của con người mà không thể bù đắp được. Cơ chế cảnh báo sớm đối với các thảm họa nhân đạo vì thế trước hết thúc đẩy nhanh hoạt động can thiệp nhân đạo của Liên hợp quốc và còn nhằm hạn chế tới đa những thiệt hại do các hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người.

- Hoạt động can thiệp nhân đạo chỉ được thực hiện sau khi các biện pháp về ngoại giao, chính trị, kinh tế, ... của cộng đồng quốc tế không đạt hiệu quả

Hoạt động can thiệp nhân đạo về bản chất vẫn là hoạt động can thiệp vũ trang vào một quốc gia độc lập có chủ quyền. Và can thiệp vũ trang luôn là biện pháp cuối cùng được tính đến và áp dụng trong quan hệ quốc tế, bởi đặc tính cực đoan và sự tàn phá của nó. Vì vậy, hoạt động này chỉ được cộng đồng quốc tế thực hiện sau khi các biện pháp hòa bình khác mà cộng đồng quốc tế đã thực hiện mà không thể chấm dứt các hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người tại quốc gia sở tại.

- Hoạt động can thiệp nhân đạo phải được thực hiện dưới thẩm quyền của Liên hợp quốc, mà đầu tiên và trước hết là của Hội đồng bảo an

Để bảo vệ quyền con người và để can thiệp nhân đạo trở thành một hình thức nhằm giữ gìn hòa bình thế giới thì hoạt động can thiệp nhân đạo chỉ có thể được thực hiện dưới thẩm quyền của Liên hợp quốc, mà đầu tiên và trước hết là của Hội đồng bảo an - cơ quan có trách nhiệm duy trì và bảo vệ hòa bình, an ninh quốc tế.

3.2.4. Thực hiện can thiệp nhân đạo một cách hiệu quả dưới thẩm quyền của Liên hợp quốc

3.2.4.1. Cải tổ cơ cấu và hoạt động của Hội đồng bảo an

- Về tổ chức

Cơ cấu thành viên hiện tại của Hội đồng bảo an chỉ phù hợp với hoàn cảnh thế giới tại thời điểm Liên hợp quốc vừa thành lập, khi mà vừa kết thúc một cuộc chiến thế giới, hình thành nên những cường quốc quân sự lớn. Hệ thống các thành viên thường trực với quyền phủ quyết nhằm mục đích cân bằng lực lượng giữa các thế lực, tránh một cuộc chiến tranh thế giới nữa nảy sinh. Đến nay, cơ cấu thành viên này không còn phù hợp.

Do đó, phương án chung mà các quốc gia trên thế giới đang ủng hộ để thay đổi cơ cấu tổ chức của Hội đồng bảo an là:

Thứ nhất, tăng số lượng thành viên của Hội đồng bảo an của Liên hợp quốc.

Thứ hai, tăng số lượng thành viên thường trực của Hội đồng bảo an. Phương án mà nhiều quốc gia chấp thuận là tăng thêm 05 thành viên thường

trực, gồm Nhật Bản, Đức, Ấn Độ, Brasil là những quốc gia đóng góp rất nhiều cho Liên hợp quốc và tham gia tích cực các hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế của Liên hợp quốc, vị trí còn lại dành cho châu Phi hoặc là một đại nhân đạo từ Liên minh Ả Rập.

- Về hoạt động

Xây dựng đạo luật xác định tình trạng hòa bình quốc tế bị đe dọa hoặc đang bị phá hoại

Hiện nay chưa có những tiêu chí rõ ràng cho các thảm họa nhân đạo cũng như các tình huống khác đe dọa hoặc phá hoại tới hòa bình quốc tế, mà phụ thuộc vào việc đánh giá của Hội đồng bảo an đối với từng trường hợp cụ thể. Vì thế mà nó làm chậm trễ hoạt động của Hội đồng bảo an cũng như cho ra đời các quyết định trái ngược cho các trường hợp tương tự nhau, gây nên sự khó hiểu, bất bình và thậm chí là phản nộ trong cộng đồng quốc tế.

Rõ ràng cần xây dựng và thông qua một đạo luật nhằm xác định tình trạng hòa bình quốc tế bị đe dọa hoặc đang bị phá hoại với những tiêu chí cụ thể, nhất là trong trường hợp diễn ra tàn sát hoặc diệt chủng, gây nên thảm họa nhân đạo.

Xây dựng đạo luật về quyền phủ quyết vecto

Cho đến nay, thực tế đã chứng minh rằng quyền phủ quyết này trong nhiều trường hợp đã ngăn không cho Hội đồng bảo an thực hiện đúng chức năng, quyền hạn của mình. Vì vậy, Liên hợp quốc cần xây dựng và thông qua một đạo luật về quyền phủ quyết vecto đối với các thành viên thường trực với nội dung sau:

Xác định rõ các tiêu chí cho việc thực hiện quyền phủ quyết vecto, như trường hợp nào thì được dùng, trường hợp nào thì không.

Xác định trách nhiệm pháp lý đối với các thành viên khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền phủ quyết là nguyên nhân gây nên những thiệt hại, hoặc những thiệt hại đó nhiều hơn những thiệt hại mà nó cần ngăn chặn.

Tạo ra sự ràng buộc của các thành viên thường trực đối với những vấn đề thuộc "trách nhiệm quốc tế", khi đó có những trường hợp lợi ích quốc gia của các thành viên thường trực phải xếp sau những lợi ích của cộng đồng quốc tế.

3.2.4.2. Xác lập thẩm quyền cho Đại hội đồng trong các hoạt động can thiệp nhân đạo khi Hội đồng bảo an không thực hiện vai trò của mình

Theo quy định của Hiến chương, Đại hội đồng cũng được trao quyền xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Việc tính đến khả năng trao quyền quyết định can thiệp quân sự vì mục đích nhân đạo cho Đại hội đồng dựa vào các căn cứ sau:

- Đại hội đồng là cơ quan toàn thể của Liên hợp quốc, đại diện cho tiếng nói và lợi ích của cộng đồng quốc tế. Nghị quyết của Đại hội đồng cần được sự nhất trí của 2/3 số phiếu thể hiện thẩm quyền mang tính đạo đức cao và sự ủng hộ chính trị mạnh mẽ của các quốc gia thành viên.

- Trong Đại hội đồng không tồn tại quyền phủ quyết mà tất cả các thành viên đều bình đẳng về số phiếu và giá trị lá phiếu.

Như vậy, pháp luật quốc tế hiện đại cần tính đến trường hợp Hội đồng bảo an không làm hoặc không tròn trách nhiệm của mình trong giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế thì cần phải trao trách nhiệm này cho Đại hội đồng Liên hợp quốc.

3.2.4.3. Lực lượng quân đội của Liên hợp quốc

Lực lượng quân đội cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả hoạt động can thiệp nhân đạo của Liên hợp quốc.

Hiện nay, những quy định mở của Hiến chương chưa tạo ra được một sự ràng buộc về việc cung cấp lực lượng quân sự cho Liên hợp quốc của các quốc gia thành viên. Và như thế, hoạt động can thiệp nhân đạo của Hội đồng bảo an thường phụ thuộc rất nhiều vào thiện chí của các quốc gia thành viên, nhất là các quốc gia có điều kiện và tiềm lực về kinh tế, quân sự, kỹ thuật.

Vì vậy, Liên hợp quốc cần đưa ra những quy định mang tính ràng buộc hơn đối với các thành viên nhằm cung cấp lực lượng quân sự trong các tình huống khẩn cấp mà Hội đồng bảo an xác định là đe dọa hoặc phá hủy hòa bình và an ninh thế giới.

KẾT LUẬN

Can thiệp nhân đạo không phải là một vấn đề mới mẻ trong Luật quốc tế. Nó có một lịch sử phát triển lâu dài từ thế kỷ XIII cho đến nay. Và trong

suốt quá trình đó, nhiều hoạt động can thiệp nhân đạo đã được các quốc gia tiến hành, với các kết quả rất khác nhau.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, đứng trước hậu quả của cuộc chiến và trước lo ngại một cuộc chiến tương tự sẽ xảy ra trong tương lai, Liên hợp quốc đã ra đời với mong ước hòa bình của nhân loại. Hiến chương Liên hợp quốc đã xây dựng nên hệ thống các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế hiện đại. Và chúng là cơ sở chứng minh sự bất hợp pháp của hoạt động can thiệp nhân đạo

Tuy nhiên chúng ta vẫn tiếp tục được chứng kiến hoạt động can thiệp nhân đạo của các quốc gia mà không được sự cho phép của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Và từ những năm 90 của thế kỷ trước, can thiệp nhân đạo biến đổi sang một hình thức mới, mà hoạt động can thiệp của NATO tại Kosovo cuối cùng đã khẳng định cho nó. Song song với đó là sự ra đời một lý thuyết hiện đại về can thiệp nhân đạo, được rất nhiều luật gia Luật quốc tế và quốc gia ủng hộ. Lý thuyết này được xây dựng dựa trên hai căn cứ:

Thứ nhất, bảo vệ quyền con người là một lĩnh vực quan trọng trong Luật quốc tế, vì thế mà bảo vệ quyền con người là nghĩa vụ của tất cả các quốc gia trong cộng đồng.

Thứ hai, chủ quyền quốc gia bị giới hạn bởi yếu tố nhân quyền, hay là quan điểm nhân quyền cao hơn chủ quyền.

Qua phân tích, luận văn đưa ra những điểm hợp lý và bất hợp lý của hoạt động can thiệp hiện đại.

Sự bất hợp lý chính là nhiều quốc gia có thể sử dụng can thiệp nhân đạo để can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác với các mục đích khác nhau, và thực tế đã chứng minh qua hoạt động của Mỹ, NATO trong những năm gần đây.

Điểm hợp lý của học thuyết can thiệp nhân đạo chính là với những vi phạm nhân quyền do chính quốc gia tiến hành hay quốc gia không thể kiểm soát, gây ra những hậu quả thảm khốc, thì sự can thiệp của cộng đồng quốc tế là cần thiết.

Bên cạnh đó, tình hình quan hệ quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền đang thay đổi theo chiều hướng mới. Đó là các cuộc xung đột vũ trang trong nội

bộ các quốc gia ngày càng gia tăng. Đây là loại xung đột mà từ trước đến nay không phải là đối tượng can thiệp của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, sự vi phạm quyền con người lại trở nên nghiêm trọng lại xảy ra do các xung đột này. Hơn thế nữa, trong các cuộc xung đột hiện đại, dân thường trở thành đích nhắm của vũ khí và hành động xâm phạm của cả các bên xung đột.

Xuất phát từ tính hai mặt của mọi vấn đề, luận văn đề đã đề xuất phương án để sử dụng những mặt tích cực của hoạt động can thiệp nhân đạo cũng như hạn chế mặt tiêu cực của hoạt động này. Đó là xây dựng can thiệp nhân đạo trở thành một hình thức mới và đặc biệt để giữ gìn hòa bình quốc tế. Và để làm được điều này, luận văn tiếp tục đề xuất: thứ nhất, xây dựng khái niệm can thiệp nhân đạo thích hợp với Luật quốc tế hiện đại nhằm giữ gìn hòa bình quốc tế; thứ hai, phát triển Luật quốc tế điều chỉnh thống nhất can thiệp nhân đạo, trong đó gồm việc thống nhất quan điểm về chủ quyền và nhân quyền, thể chế hóa và triển khai các tiêu chuẩn cho can thiệp nhân đạo thông qua xây dựng các điều kiện tiên quyết cho việc bắt đầu can thiệp nhân đạo và triển khai cơ chế cho can thiệp nhân đạo, và hoạt động can thiệp nhân đạo phải được tiến hành thống nhất và có hiệu quả dưới sự chỉ đạo của Liên hợp quốc.

Việc nghiên cứu đề tài "**Luật quốc tế và học thuyết can thiệp nhân đạo**" quả thực phức tạp và khó khăn. Trên thế giới có nhiều học giả nghiên cứu về can thiệp nhân đạo, nhưng họ vẫn chưa đi đến sự thống nhất về những vấn đề xung quanh hoạt động can thiệp nhân đạo. Còn ở Việt Nam thì có rất ít học giả nghiên cứu về vấn đề này và đến nay vẫn chưa có một công trình chính thức về can thiệp nhân đạo.

Trong phạm vi luận văn thạc sĩ luật học, tác giả mới chỉ đề cập được những vấn đề cơ bản nhất về lý luận và thực tiễn của hoạt động can thiệp nhân đạo, qua đó đưa ra đề xuất sử dụng can thiệp nhân đạo trở thành một hoạt động giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế. Và những đề xuất này rõ ràng còn sơ sài, chưa bao quát hết được vấn đề.

Kết quả của luận văn mới chỉ là những nghiên cứu bước đầu và tác giả vẫn chưa hài lòng với những gì mình chưa làm được. Hy vọng tác giả sẽ còn cơ hội và điều kiện để nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này.